TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T,** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hoa phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2022
Về việc: *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Huỳnh Thị Ngọc Dung.
Bà Trần Thị Chiếm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Chăm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Huỳnh Trúc P**, sinh năm 1982.
Địa chỉ: B Trà Quý B, Phường H, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Ngọc N**, sinh năm 1979.
Địa chỉ: C ấp Xuân H, xã Lợi Bình N, thành phố T, tỉnh Long An.
(Bà Trúc P, ông N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2022 và các lời trình bày của bà Huỳnh Trúc P có nội dung:

Bà quen biết và kết hôn với ông Nguyễn Ngọc N từ năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An. Bà và ông N chung sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên cuộc sống vợ chồng không

hạnh phúc. Bà và ông N đã không còn chung sống như vợ chồng từ năm 2017 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: bà và ông N có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh P sinh ngày 12/01/2005 và Nguyễn Huy P sinh ngày 29/01/2006. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 25/5/2022, bà có văn bản đề nghị Tòa án xem xét cho bà được vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn, ông Nguyễn Ngọc N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Ngọc N đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông N không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà P. Phiên tòa hôm nay, ông N cũng vắng mặt dù đã được tống đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà P đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

Về con chung: bà P và ông N có 02 con chung. Bà P yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ/con. Xét thấy ông N cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu này nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Do bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Huỳnh Trúc P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc N có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn là bà Huỳnh Trúc P, Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông N đến các phiên tòa

sơ thẩm nhưng ông N không chấp hành. Riêng bà P đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Trúc P và ông Nguyễn Ngọc N tự tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An năm 2003 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà P thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên thường hay cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, biết được việc bà P yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà P. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà P và ông N đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: bà P và ông N có hai (02) con chung tên Nguyễn Huỳnh P sinh ngày 12/01/2005 và Nguyễn Huy Ph sinh ngày 29/01/2006. Bà P đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung. Ông N không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà P. Hội đồng xét xử nhận thấy, các con chung hiện đang sống chung với bà P ổn định, nguyện vọng của các con chung là cũng mong muốn được sống với mẹ nên tiếp tục giao 02 con chung cho bà P nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Bà P yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ/con. Ông N không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà P yêu cầu ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Đối với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ/con/tháng do bà P đề nghị, ông N cũng không có ý kiến gì về mức cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, mức cấp dưỡng này không quá cao, chỉ đáp ứng được một phần nào nhu cầu chi tiêu sinh hoạt cho một trẻ trong giai đoạn hiện nay nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông N có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ/con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng là vào ngày 10 Dương lịch hàng tháng, thời điểm bắt đầu cấp dưỡng là khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[7] Ông N được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi con chung ông N, bà P có quyền xin thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[8] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Trúc P, cho bà Huỳnh Trúc P ly hôn với ông Nguyễn Ngọc N.

2. Về con chung: Giao hai (02) con chung tên Nguyễn Huỳnh P sinh ngày 12/01/2005 và Nguyễn Huy Ph sinh ngày 29/01/2006 cho bà Huỳnh Trúc P nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Ngọc N có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ/con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng là vào ngày 10 Dương lịch hàng tháng, thời điểm bắt đầu cấp dưỡng là khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Ngọc N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi con chung, ông Nguyễn Ngọc N, bà Huỳnh Trúc P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Huỳnh Trúc P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001359 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An thành án phí dân sự sơ thẩm, bà P đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kiều Trinh